

NHẬN ĐỊNH NỀN KINH TẾ VIỆT NAM NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2021 VÀ TRIỂN VỌNG MỘT SỐ NGÀNH

Đặng Ngọc Cường *

Tóm tắt: Nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đã và đang phải hứng chịu nhiều biến động và thiệt hại do đại dịch Covid-19. Khi các nước trên thế giới đặt mục tiêu tiên quyết là phòng chống đại dịch thì Việt Nam đặt ra mục tiêu kép, vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội. Trong sự diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nền kinh tế của Việt Nam sẽ phát triển triển theo xu hướng nào? Ngành và lĩnh vực nào tiềm năng và “dẫn dắt” nền kinh tế?

Từ khóa: Kinh tế Việt Nam, ngành, triển vọng.

Summary: The world economy in general and Vietnam's economy in particular have been suffering from many fluctuations and losses due to the Covid-19 pandemic. While countries around the world have set the first priority of pandemic prevention, Vietnam has set a dual goal of fighting the epidemic and developing socio-economically at the same time. In the complicated state of the Covid-19 epidemic, which trend will Vietnam's economy develop? Which industries and fields have potential and “lead” the economy?

Keywords: Vietnam's economy, industry, prospects.

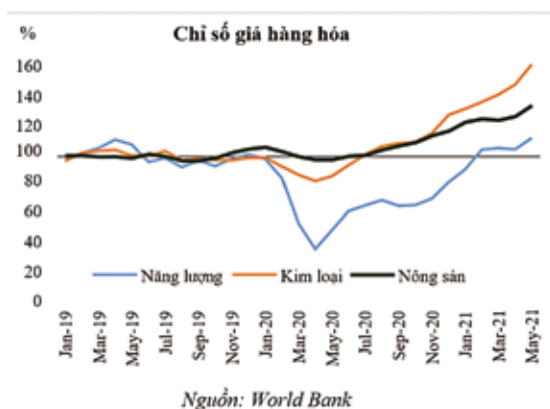
I. KINH TẾ THẾ GIỚI

- Dịch Covid-19 đã tạo ra cú sốc lớn đối với hầu hết giá cả hàng hóa.

- Giá dầu dự báo đạt trung bình \$56/thùng trong năm 2021, cao hơn 30% trung bình năm 2020, và tăng nhẹ lên ~\$60 vào năm 2022.

- Giá nông sản dự kiến tăng trung bình 14% trong năm nay và tập trung vào một số ít mặt hàng cố định.

- Các Ngân hàng trung ương lớn: không thay đổi chính sách, chưa lo ngại lạm phát.



- Hiện tượng lạm phát tăng tiếp tục được ghi nhận ở nhiều quốc gia.

- Fed và ECB chia sẻ quan điểm,

* Khoa Tài chính,
Trường ĐH KD&CN Hà Nội

trong giai đoạn này các yếu tố lạm phát không có tính chất lâu bền, mang tính chất đặc thù và riêng biệt. Do đó, vẫn còn là quá sớm để lo ngại về khả năng xảy ra một “siêu chu kỳ hàng hóa” yếu tố tạo áp lực lên lạm phát trong trung và dài hạn. Theo đó, chưa có những thay đổi chính sách cho đến khi xác nhận xu hướng phục hồi của thị trường lao động.

II. VIỆT NAM KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

Thành công của Việt Nam trong các năm trở lại đây là đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô, tạo sức hấp dẫn đối với dòng vốn đầu tư quốc tế nhằm đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập bình quân đầu người và thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Việc thực hiện thành công nhiệm vụ này trong 5 năm trở lại đây giúp NHNN có nhiều nguồn lực cũng như dư địa chính sách điều hành nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

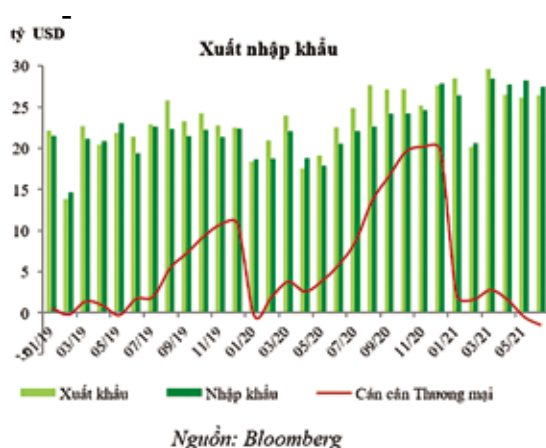
Trong năm 2021, Việt Nam đang được hưởng lợi từ xu hướng (1) dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang các quốc gia châu Á; và (2) các Hiệp định thương mại tự do được ký kết. Tuy vậy, điều kiện tiên quyết để phát triển là, kiểm soát tốt dịch bệnh; phối hợp nhịp nhàng chính sách tài khóa và tiền tệ; lấy đầu tư công thúc đẩy đầu tư tư nhân. Trong dài hạn, để hấp thụ và sử dụng hiệu quả dòng vốn đầu tư vào thị trường nội địa, Việt Nam cần chuẩn bị nguồn lực tiếp nhận nguồn vốn, chuẩn bị về tư liệu sản xuất; nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng. Đây được xem là các trọng tâm hướng đến trong các danh mục đầu tư công trung hạn của Việt Nam.

Kiên trì mục tiêu kép, rủi ro dịch bệnh thường trực

So sánh với các nước trong khu vực, Việt Nam vẫn là điểm sáng về tăng trưởng và kiểm soát tốt dịch bệnh

- Một số quốc gia châu Á, trong đó có điểm sáng Việt Nam thành công trong kiểm soát dịch bệnh và ghi nhận tăng trưởng dương.

- Rủi ro do dịch bệnh bùng lên ngoài tầm kiểm soát, khu vực châu Á bị tụt hậu lại phía sau trong nỗ lực chống dịch, bao gồm cả tiếp cận vắc xin.



1H.2021. Tăng trưởng GDP đạt 5,64% cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%, đóng góp 8,17% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%, đóng góp 59,05%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%, đóng góp 32,78%.

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 32,2%, trong đó nhập khẩu tăng nhanh và mạnh hơn giá trị xuất khẩu lần lượt ở mức tăng 36% và 28%. Cán cân

thương mại thâm hụt 1,47 tỷ USD.

- Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 4,9% so với cùng kỳ

- Dự báo cả năm 2021: theo ADB, tăng trưởng GDP đạt 3,5%-4%

- Tăng trưởng chi tiêu công có thể tạo tác động tích cực lên chi tiêu tiêu dùng và đầu tư tư nhân.

- Mức tăng trưởng mạnh nhập khẩu các tư liệu sản xuất, đặc biệt là các loại máy móc và nguyên liệu là cơ sở khẳng định cho mức tăng trưởng sản xuất trong các tháng cuối năm, ngay khi dịch bệnh được kiểm soát thành công.

- Mức độ hồi phục của ngành dịch vụ cũng như nhu cầu tiêu dùng hàng hóa phụ thuộc vào thời điểm và khả năng mở cửa trở lại của nền kinh tế đặc biệt là tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Sự ổn định nền kinh tế - kiểm soát lạm phát



Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47%, mức tăng bình quân 6 tháng thấp nhất kể từ năm 2016.

- Những nhân tố làm tăng CPI trong 1H.2021: Giá nhiên liệu biến động theo giá thế giới; Giá dịch vụ giáo dục do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học

mới; Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu.

- Những nhân tố làm giảm CPI trong 1H.2021: Giá các mặt hàng thực phẩm giảm so với cùng kỳ năm ngoái; Giá điện sinh hoạt bình quân giảm do Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ.

Qua đánh giá, lạm phát có thể ghi nhận nhiều yếu tố thuận lợi:

- Cầu tiêu dùng dự báo không tăng đột biến trong nửa cuối năm.

- Giá lương thực thực phẩm nội địa bình ổn, khi Việt Nam đã có kinh nghiệm kiểm soát dịch tả lợn và thực hiện các hoạt động tái đàn.

- Giá điện: Nỗ lực hỗ trợ phòng chống dịch vẫn được thể hiện xuyên suốt, khi hỗ trợ giảm giá điện cho một số đối tượng đến tháng 12.2021.

- Giá nước, y tế, giáo dục vẫn được quản lý giám sát dưới sự điều hành của Chính phủ

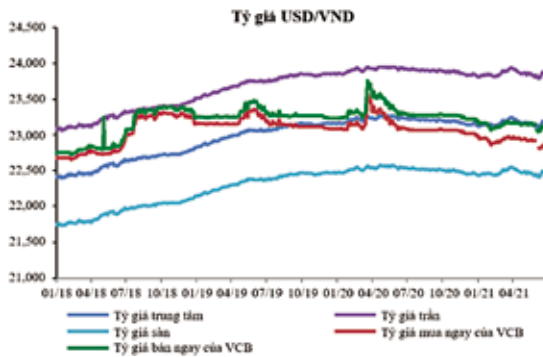
- Chính sách tiền tệ giảm thiểu tối đa các tác động của lạm phát tiền tệ.

Bên cạnh những thuận lợi, các chuyên gia lưu ý một số áp lực tăng lên lạm phát:

- Áp lực tăng mạnh có thể ghi nhận vào cuối năm do nhu cầu mua sắm trước lễ Tết; trong khi đó, nền giá những tháng cuối năm 2020 tương đối thấp

- Lạm phát nhóm giao thông nhiều khả năng tăng khi hoạt động sản xuất – kinh doanh và nhu cầu di chuyển của người dân trở lại sau giãn cách xã hội và khi mức độ tiêm vắc-xin phổ biến. Do đó, còn quá sớm để lo ngại khả năng xảy ra một “siêu lạm phát” trong trung và dài hạn.

Sự ổn định kinh tế - Tỷ giá

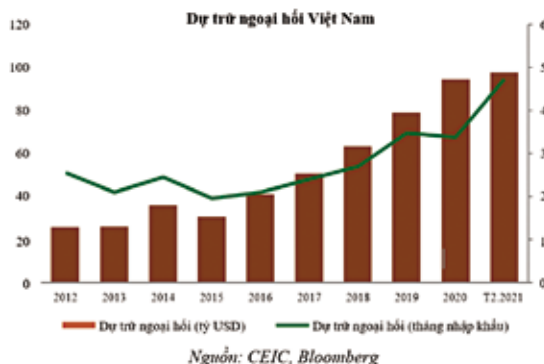


Tỷ giá trung tâm giao dịch ở 23.178, tăng 47 VNĐ. Trong khi đó, tỷ giá giao dịch tại các NHTM giảm 115 VNĐ về 22.920 VND/USD.

- FDI giải ngân trong 1H.2021 ước đạt 9,2 tỷ USD (+6,8%), Việt Nam tiếp tục thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài.

- Cán cân thương mại hàng hóa 1H.2021 ước tính nhập siêu 1,47 tỷ USD. Việt Nam nhập khẩu nguyên vật liệu các ngành đang có đà phục hồi tăng trưởng mạnh mẽ. Mặt khác, dịch bệnh bùng phát khiến một số khu công nghiệp tạm ngưng sản xuất, ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu.

- NHNN đã giảm 150 VNĐ giá mua vào USD kỳ hạn sáu tháng xuống 22.975 VND/USD và không cho phép hủy ngang. Điều này cho thấy NHNN khá tự tin vào thanh khoản và nguồn lực hiện có.



Nguồn: CEIC, Bloomberg

Thị trường ngoại hối được kỳ vọng dao động trong biên độ:

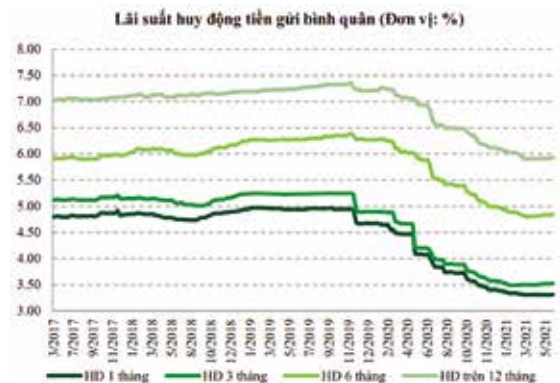
- Trong bối cảnh xu hướng nổi lũng CSTT của các NHTW trên thế giới, dòng tiền sẽ tiếp tục tìm đến các quốc gia đảm bảo được ổn định kinh tế vĩ mô như Việt Nam.

- Dự báo Việt Nam sẽ xuất siêu 5-10 tỷ USD trong năm nay, với hoạt động xuất khẩu khởi sắc trở lại với các hiệp định thương mại tự do đang dần được thực thi toàn diện hơn và ảnh hưởng của dịch Covid-19 dần được khắc phục.

- NHNN vẫn thể hiện chính sách linh hoạt và nhất quán nhằm hỗ trợ và ổn định kinh tế vĩ mô nói chung và tỷ giá nói riêng. Hơn nữa, dự trữ ngoại hối vững chắc là cơ sở hỗ trợ ổn định tỷ giá

Dự báo trong năm 2021 tỷ giá dao động trong khoảng $\pm 0,5\%$.

Sự ổn định kinh tế - Lãi suất huy động và cho vay



- LSHĐ trong 1H.2021 đã giảm 30 điểm và sau đó ổn định ở mức thấp. Theo quan sát của VCBS, lãi suất kỳ hạn ngắn tăng nhẹ 10-50 điểm tại một số ngân hàng chỉ mang tính chất cục bộ, không phản ánh sự hình thành xu hướng tăng mới.

- Giai đoạn này, thông điệp NHNN tiếp tục nhất quán: kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào hoạt động kinh doanh, đầu cơ bất động sản. Định hướng chung là, duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ cho doanh nghiệp trong diễn biến phức tạp.

Lãi suất huy động

Lãi suất huy động có thể đi ngang hoặc tăng nhẹ 10-20 điểm trong 2H.2021.

- Xét từ góc độ vĩ mô, nỗ lực tiêm phòng vắc xin trên toàn thế giới vẫn đang được tiến hành. Các quốc gia châu Âu hay Mỹ dù đã mở cửa trở lại, nhưng các NHTW vẫn khá thận trọng, và chưa vội vã xem xét thay đổi CSTT nói lỏng.

- Với bối cảnh CSTT trên thế giới vẫn là nói lỏng, LSHĐ tại các NHTM Việt Nam có thể đi ngang trong thời gian tới. Áp lực tăng nhẹ (nếu có) nhằm cân bằng lợi ích của người gửi tiền với xu hướng đa dạng sang các kênh đầu tư.

Lãi suất cho vay

Định hướng xuyên suốt của NHNN vẫn duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp để hỗ trợ doanh nghiệp. Mục tiêu giảm mặt bằng LSCV (tính chung cho cả năm) để hỗ trợ tăng trưởng có thể đạt được, khi lãi suất huy động đã giảm trong khoảng 1 năm gần đây. Theo đà này, các chuyên gia kinh tế. dự báo LSHĐ có thể đi ngang hoặc tăng nhẹ 10-20 điểm, trong khi LSCV sẽ còn dư địa giảm thêm, tuy nhiên mức giảm sẽ không dàn trải trên toàn hệ thống.

Tóm lại, tăng trưởng năm 2021 phụ thuộc vào tốc độ mở cửa lại của nền kinh tế trước tác động dịch COVID-19.



Nguồn: CEIC, GSO

III. TRIỂN VỌNG MỘT SỐ NGÀNH TRONG NĂM 2021

1. Ngành ngân hàng

- Lợi nhuận các ngân hàng kỳ vọng duy trì tốc độ tăng trưởng cao tới ít nhất quý 3.2021

- NIM có thể bắt đầu điều chỉnh giảm trong H2.2021 do lãi suất cho vay giảm xuống, nhưng vẫn ở mức cao hơn so với cùng kỳ 2020.

- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận 2022 chậm lại, khi NIM tiếp tục có xu hướng thu hẹp.

- Nợ xấu phát sinh do tác động của Covid-19 thấp hơn kỳ vọng ban đầu, nhiều ngân hàng đã ghi nhận quy mô dư nợ tái cơ cấu giảm xuống so với thời điểm quý 2 và quý 3 năm 2020. Bên cạnh đó, nhiều ngân hàng đã hoàn thành trích lập dư nợ tái cơ cấu theo Thông tư 01 ngay từ 2020. Tuy nhiên, ngành ngân hàng đang đối mặt với rủi ro nợ xấu trong giai đoạn tiếp theo và ảnh hưởng tới lợi

nhuận trong các năm sau, nếu dịch bệnh Covid-19 chậm được kiểm soát.



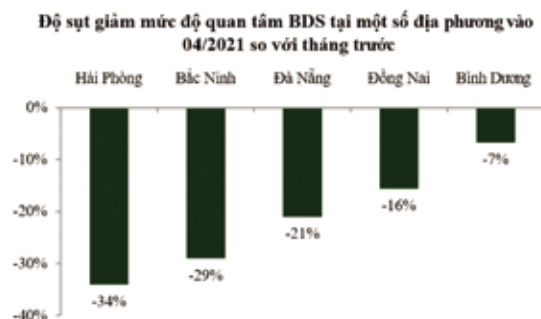
Q1.2021	Nợ xấu nội bảng	Nợ tài cơ cấu TT01 tại thời điểm định điểm	Nợ tài cơ cấu TT01 cập nhật	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Cần đối kế toán)	LLCR
BID	21,765	36	28	23,422	108%
CTG	8,954	8,4	5	13,912	155%
VCB	7,697	11	5,5	21,477	279%
ACB	2,954	9	1	3,556	120%
MBB	4,184	7	2,7	5,329	127%
VPB	10,423	27	7,5	4,571	44%
TCB	1,135	7,9	6,7	2,491	219%
HDB	2,835	7,9	6,1	1,945	69%
VIB	3,065	600	600	1,9	62%
TPB	1,484	8,4	1,2	1,988	134%
MSB	1,664	1,532	1,532	910	55%

Nguồn: NHNN, Các ngân hàng

2. Ngành bất động sản nhà ở

Trong các tháng đầu năm 2021, mặt bằng giá đất trên cả nước đã chứng kiến xu hướng tăng, đặc biệt là phân khúc đất nền tại các địa phương có thông tin quy hoạch dự án hạ tầng.

Từ tháng 04/2021 tình trạng sốt đất đã dịu lại, với sự sụt giảm mạnh trong lượng giao dịch và lượng người quan tâm tới thị trường khi:



- Làn sóng dịch bệnh trở lại trên toàn quốc, làm chậm các giao dịch đất nền.

- Nhiều địa phương tiến hành công bố công khai thông tin quy hoạch và tiến độ các dự án hạ tầng.

Thị trường thiết lập mặt bằng giá mới

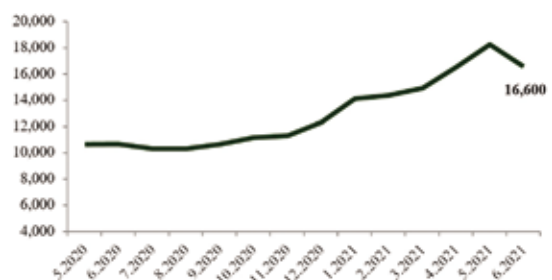
- Sau giai đoạn tăng giá phi mã, giá đất duy trì ở mức cao so với cùng kỳ và thiết lập mặt bằng giá mới.

- Áp lực từ xu hướng tăng của mặt bằng giá vật liệu xây dựng và chi phí đất.

- Xu hướng tăng giá vẫn phần nhiều đến từ những động lực cơ bản theo nhu cầu thị trường.

- Những diễn biến tăng giá quá mức (sốt đất ảo) chỉ xảy ra tại một số địa phương nhất định trong thời gian ngắn.

Diễn biến giá thép trong nước (đv: VND/ kg)



Nguồn: VSA, VCBS tổng hợp

Nhiều yếu tố thúc đẩy tính hấp dẫn của thị trường bất động sản và mặt bằng giá đất

- Yếu tố nhân khẩu học và giai đoạn tăng trưởng tích cực của nền kinh tế thúc đẩy nhu cầu nhà ở.

- Tình trạng thiếu cung do khó khăn pháp lý kéo dài tại các đô thị lớn, mang đến áp lực tăng giá bất động sản.

- Hạ tầng giao thông kết nối được cải thiện với nhiều dự án quan trọng đang và chuẩn bị triển khai.

- Tình trạng thiếu cung và việc tắc nghẽn, ô nhiễm tại nội thành các đô thị lớn thúc đẩy nhu cầu nhà ở tại khu vực vùng ven.

- Các dự án hạ tầng giao thông được hoàn thiện và tỷ lệ sở hữu ô tô đang gia tăng nhanh chóng của người dân, giúp thu hẹp khoảng cách giữa vùng ven và nội thành.

- Quá trình phát triển công nghiệp và thu hút nguồn vốn FDI thúc đẩy phát triển kinh tế và cơ hội việc làm tại các địa phương, thay vì chỉ tập trung tại đô thị lớn.

- Mặt bằng giá đất còn thấp tại khu vực vùng ven / các đô thị vệ tinh, trong khi hạ tầng các địa phương đang được đầu tư mạnh mẽ trong thời gian gần đây.

Khu vực phía Bắc: Việc thúc đẩy đầu tư và phát triển kinh tế các địa phương phía nam tam giác kinh tế truyền thống, hướng tới hình thành tứ giác kinh tế Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng - Thanh Hóa, mang đến nhiều cơ hội đầu tư BĐS. Các chuyên gia đặc biệt đánh giá cao khu vực Thanh Hóa và Hà Nam với nhiều động lực phát triển đột phá trong giai đoạn tới.



Khu vực phía Nam: Hàng loạt dự án hạ tầng giao thông được đầu tư tại khu vực Đông Nam Bộ sau nhiều năm ngừng trệ, mang đến động lực lớn cho thị trường BĐS. Khu vực phía Đông TP.HCM và các đô thị tại Bình Dương, Đồng Nai tiếp tục là điểm đến đầu tư hấp dẫn./



Tài liệu tham khảo

1. Website: tapchinganhang.gov.vn - Cơ quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2. Website Ngân hàng thế giới: <https://www.worldbank.org>
3. Website của tập đoàn tài chính Mỹ Bloomberg: <https://www.bloomberg.com>
4. Báo cáo “Triển vọng 2H.2021” của Công ty chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS)

Ngày nhận bài: **22/08/2021**

Ngày phản biện: **09/01/2022**

Ngày duyệt đăng: **11/01/2022**